



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 23 (01/6/20 – 05/6/20)



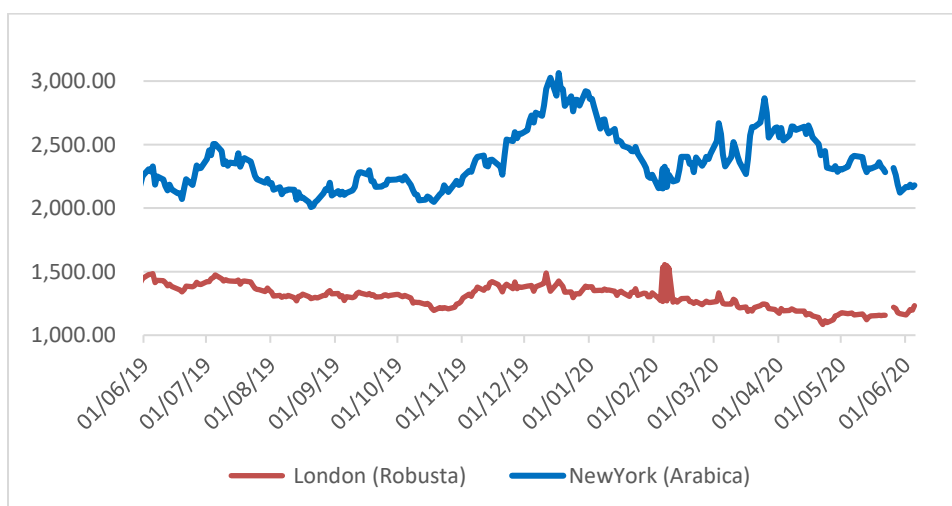
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta bình quân tuần này tương đương với tuần trước ở mức 1.193,8 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica bình quân tuần này giảm 2,2 % xuống 2.172 USD/tấn.

Sản lượng cà phê của Colombia trong tháng 5/2020 cao hơn 6,37%, xuất khẩu thấp hơn 15,27% so với cùng kỳ năm 2019.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Giá cà phê Robusta trung bình kỳ hạn tháng 7 tại sàn London gần như không thay đổi với tuần trước. Giá cà phê bình quân đạt 1.193,8 USD/tấn, thấp hơn 18,08% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.233 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.159 USD/tấn. [1].

Ngược lại, giá cà phê Arabica bình quân kỳ hạn tháng 7 tại thị trường New York giảm so với tuần trước. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 2.172 USD/tấn, giảm 2,2 % so với mức giá tuần



trước và giảm 4,37 % so với cùng kỳ. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.184 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.163 USD/tấn.

[1]

Do tác động của dịch Covid 19, giá cà phê chưa có nhiều khởi sắc tuy rằng việc mở cửa hoạt động trở lại của một số thị trường lớn được cho là sẽ kích thích nhà đầu tư quay lại các thị trường hàng hóa. Đồng Reais hồi phục nhẹ sau nỗ lực gia tăng thanh khoản của Ngân hàng Trung ương Brasil (BC), trong khi USDX cũng sụt giảm do căng thẳng Trung – Mỹ gia tăng vì vấn đề an ninh Hồng Kông, khiến giá cà phê ở Brazil thấp hơn so với tuần trước. Việc đóng cửa các hàng quán, thực hiện giãn cách xã hội và việc cung ứng hàng hóa nguyên liệu gần như bị đình trệ trong suốt hai tháng Tư, Năm trên toàn cầu cũng đã khiến nhu cầu bị thắt chặt, đã tạo nên những đợt sốt giá hàng hóa trong ngắn hạn. Kỳ vọng giá cà phê kỳ hạn sẽ sớm hồi phục nhờ có tính thanh khoản cao, trong khi thị trường cũng bắt đầu đón nhận những gói kích thích kinh tế khổng lồ của nhiều Ngân hàng Trung ương tung ra góp phần vực dậy kinh tế thế giới đang suy thoái do đại dịch covid-19. [5].

Tính đến thứ Hai ngày 01/6, tồn kho cà phê Robusta được sàn London chứng nhận và theo dõi cấp phát đã giảm thêm 3.340 tấn, tức giảm 2,6 % so với tuần thương mại trước đó, xuống đăng ký ở 124.890 tấn (tương đương 2.081.500 bao, bao 60 kg), kéo dài chuỗi sụt giảm chưa từng thấy. [2].

Safras & Mercado (Brazil) ước tính sản lượng vụ mùa 2020/2021 (từ tháng 7/2020 đến tháng 6/2021) của Brazil có thể đạt khoảng 68,10 triệu bao. Tại thời điểm 02/06/2020 ước tính nông dân đã thu hoạch được 23% tổng diện tích trồng trọt, đạt tổng cộng khoảng 15,50 triệu bao cà phê. Con số này thấp hơn khoảng 7% so với tiến độ thu hoạch cùng thời điểm này năm ngoái. Ước tính 17% cây cà phê arabica tự nhiên đã được thu hoạch với tổng số 8 triệu bao. Khu vực Conilon, theo truyền thống là khu vực bắt đầu thu hoạch đầu tiên vào khoảng tháng 4, tháng 5 mỗi năm, ước tính đã thu hoạch được khoảng 37% vụ mùa Conilon Robusta với tổng số 7,5 triệu bao. Safras & Mercado đã báo cáo rằng tốc độ thu hoạch chậm hơn so với năm trước là do mùa vụ lớn 2 năm 1 lần của niên vụ 2020/2021



cũng như các biện pháp nghiêm ngặt phòng trừ sự lây lan của Virut. [2].

Điều kiện thời tiết ở Brazil đã được báo cáo khô trên hầu hết các khu vực trồng cà phê trong những ngày đầu tiên của tháng Sáu. Dự báo có không khí lạnh và ẩm tại các vùng trồng cà phê ở phía Đông Nam vành đai cà phê trong vài ngày tới, tuy nhiên, thời tiết khu vực Đông Bắc của vành đai cà phê được dự báo sẽ vẫn khô.

Liên đoàn những người trồng cà phê quốc gia Colombia đã báo cáo rằng sản lượng cà phê của nước này trong tháng 5/2020 cao hơn 6,37%, tương đương 71.000 bao so với cùng kỳ năm 2019, đạt tổng số 1.186.000 bao. Sản lượng lũy kế tám tháng đầu niên vụ 2019/2020 (tháng 10/2019 đến tháng 9/2020) cao hơn 2,31%, tương đương 211.000 bao so với cùng kỳ năm ngoái, đạt tổng số 9.342.000 bao.

Xuất khẩu cà phê của Colombia trong tháng 5/2020 thấp hơn 15,27%, tương đương 157.000 bao so với cùng kỳ năm 2019, đạt tổng số 871.000 bao. Xuất khẩu cà phê lũy kế trong tám tháng đầu niên vụ 2019/2020 giảm 9,4%, tương đương 827.000 bao so với cùng kỳ năm trước, đạt tổng số 7.962.000 bao [2].

Theo báo cáo mới của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) vào tháng 5/2020, sản lượng Costa Rica đã trải qua sự thay đổi đáng kể trong mùa vụ gần đây. Sau khi giảm 15% sản lượng trong niên vụ 2018/2019 xuống còn 1.276.000 bao 60 kg, sản lượng đã tăng 15,4% lên 1.472.366 bao trong niên vụ 2019/2020. Dự báo sản lượng niên vụ 2020/2021 có thể tăng lên 1.500.000 bao. Đại dịch COVID-19 không ảnh hưởng đến sản xuất niên vụ 2019/2020 của Costa Rica bởi vì vụ thu hoạch phần lớn đã kết thúc khi các biện pháp hạn chế tăng cường vệ sinh phòng bệnh được áp dụng vào đầu tháng 3.

ICAFFE và Bộ Nông nghiệp Costa Rica hiện đang đánh giá các yêu cầu lao động của ngành trong vụ thu hoạch tiếp theo. Hầu hết các công nhân ngành cà phê của Costa Rica, là người Nicaragua hoặc người Panama. Mối quan tâm trước mắt là sự sẵn có của những công nhân này cho vụ thu hoạch ở các khu vực chín sớm tại các vùng Turrialba, Coto Brus và Pérez



Zeledon, bắt đầu vào tháng Tám. Biên giới Costa Rica bị đóng cửa cho đến ngày 15 tháng 6. Theo các cơ quan y tế, việc mở lại biên giới sẽ phụ thuộc vào tình hình COVID-19.

Theo ICAFE ước tính tổng diện tích trồng cà phê của Costa Rica là 93.697 ha cà phê. Số người trồng cà phê trong nước đã liên tục giảm trong những năm gần đây. Niên vụ 2018/2019 đã chỉ có 38.804 người trồng, so với 41.339 người trồng trong niên vụ 2017/2018. Hầu hết những người trồng này (chiếm khoảng 91,4% trong niên vụ 2018/2019) có quy mô nhỏ, bán ít hơn 100 bao cà phê cho các nhà máy. Về mặt chế biến, số lượng nhà máy cà phê tiếp tục tăng, từ 259 trong niên vụ 2017/2018 lên tới 272 trong niên vụ 2018/2019. Vụ thu hoạch cà phê tập trung vào các tháng từ tháng 11 đến tháng 2, bắt đầu ở các khu vực có độ cao thấp hơn và kết thúc ở các khu vực có độ cao hơn.

Khối lượng xuất khẩu giảm từ 1.254.313 bao trong niên vụ 2017/2018 xuống còn 1.153.841 bao trong niên vụ 2018/2019 do sản xuất ít hơn. Xuất khẩu được dự báo sẽ đạt 1.250.000 bao trong niên vụ 2020/2021. Trong niên vụ 2019/2020, cà phê của Costa Rica đã được bán với giá trung bình 155,7 USD/bao. Chất lượng của cà phê, điều kiện sản xuất thân thiện với môi trường, khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm và phân phối thu nhập hợp lý mang lại lợi thế cho cà phê Costa Rica. Dự báo hầu hết cà phê của Costa Rica được xuất khẩu sang Hoa Kỳ (47,7%), tiếp theo là Bỉ (17,5%), Đức (6,6%) và Hàn Quốc (4%). Hoa Kỳ đã là điểm đến chính của cà phê Costa Rica trong vài năm nay, mặc dù nó đã mất thị phần cho các nước xuất khẩu khác. Xuất khẩu sang Hoa Kỳ đã giảm từ 598.845 bao trong niên vụ 2017/2018 xuống còn 550.255 bao trong niên vụ 2018/2019 (-8,1%). Bỉ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai.

ICAFE vẫn thận trọng về tác động tiềm tàng của COVID-19 đối với nhu cầu cà phê. Tuy nhiên, các đơn đặt hàng đã nổi lại. Cho đến nay, lĩnh vực này chưa gặp vấn đề về hậu cần và đã có thể đáp ứng các cam kết xuất khẩu. [3].

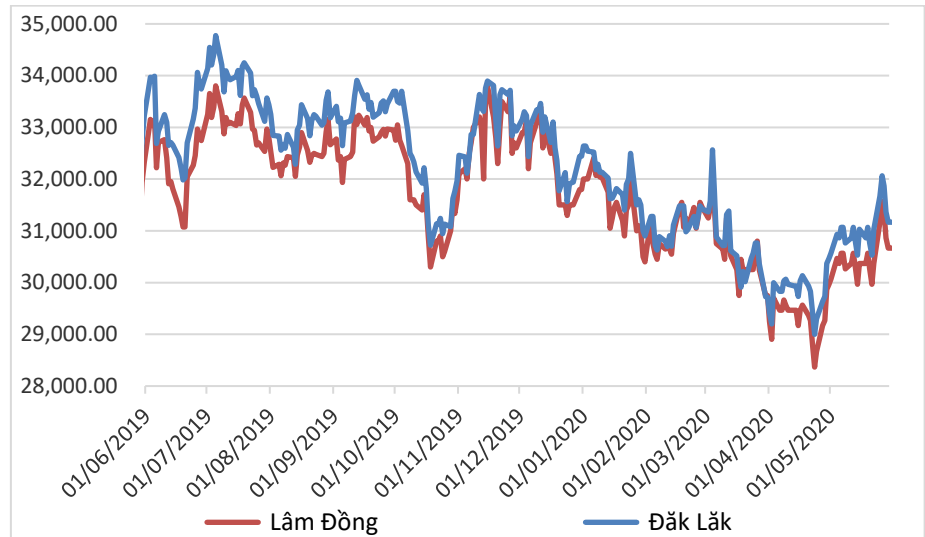
**ĐIỂM TIN**

Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần qua giảm từ 120 đến 240 đồng/kg.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn giảm 2,61 % xuống mức 1.257 USD/tấn.

Lâm Đồng phê duyệt kế hoạch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Từ năm 2013 đến nay, nông dân Lâm Đồng đã tái canh, cải tạo giống trên 62.000 ha cafe, tỷ lệ ứng dụng giống mới đạt gần 40% diện tích.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Nguồn: CTV dự án VNSAT và Tin Tây Nguyên

Giá cà phê trung bình trong nước tuần này nhìn chung biến động giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân đạt 31.493 đồng/kg, giảm 0,42 % so với mức giá tuần trước và thấp hơn 6,01% so với cùng kỳ năm 2019. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta giảm 0,77% so với tuần trước, xuống mức 30.886 đồng/kg và thấp hơn 3,99 % so với cùng kỳ năm ngoái. [4].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.257 USD/tấn, giảm 2,61 % so với tuần trước và giảm 10,99% so với cùng kỳ năm 2019. [5]

Lâm Đồng hiện có gần 175.000 ha cà phê với sản lượng bình quân hàng năm đạt trên 450 ngàn tấn cà phê nhân. Hiện nay, giá cà phê với nhân xô tiếp tục giảm do nguồn cung cà phê mà các nước sản xuất đưa ra thị trường thế giới khá dồi dào. Để nâng cao giá trị cà phê trước đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường, nhiều nông hộ trồng cà phê trong tỉnh đã triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cà phê nguyên liệu, đẩy mạnh tái canh những diện tích cà phê già cỗi bằng những giống cà phê đã được ngành nông nghiệp khảo nghiệm và khuyến cáo sử dụng. Tính từ năm 2013 đến nay, nông dân Lâm Đồng đã tái canh, cải tạo giống trên 62.000 ha cà phê, tỷ lệ giống mới



trên cây cà phê ở Lâm Đồng hiện nay là gần 40% diện tích. Diện tích cà phê tái canh bằng giống mới cho chất lượng cà phê cao hơn, giá bán tăng 10% so với cà phê giống cũ, đồng thời năng suất, sản lượng cao hơn 15% so với trước khi tái canh. [7]

Ngày 18/5/2020, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 854/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2020. Theo đó mục tiêu hết năm 2020 sẽ phát triển 60.220 ha diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ, 350 ha nông nghiệp thông minh; công nhận ít nhất 05 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và 05 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 440 triệu đồng/ha, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích toàn tỉnh đạt trên 185 triệu đồng/ha.

Theo kế hoạch, tổng kinh phí thực hiện là 6.840 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước 4.050 triệu đồng, với mức hỗ trợ 100% cho các hoạt động xây dựng hệ thống giám sát, trạm cảm biến, chứng nhận vùng nông nghiệp... và hỗ trợ 40% cho hoạt động xây dựng các mô hình... Các nội dung thực hiện tập trung vào: ứng dụng công nghệ cao trong ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; hoạt động triển khai nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... Trong thời gian tới, ngành nông nghiệp sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế của tỉnh. Tỉnh phấn đấu đến hết năm 2020 đạt mục tiêu duy trì diện tích trồng cây cà phê hiện có là 174.390 ha, năng suất đạt 34,4 tạ/ha, sản lượng ước đạt 565,8 ngàn tấn (đạt 100% kế hoạch). [8]

Hiện nay, cả nước có khoảng 640.000 ha cà phê, trong đó diện tích cà phê tại 5 tỉnh Tây Nguyên chiếm trên 92% diện tích cả nước. Nước đóng vai trò rất quan trọng, quyết định đến sản xuất cà phê, cà phê chỉ trồng được khi có đủ nguồn nước tưới trong mùa khô để cây ra hoa kết quả đồng loạt. Trên thực tế nông dân trồng cà phê đã sử dụng nước tưới rất nhiều gây lãng phí, thất thoát chất dinh dưỡng do bị rửa trôi và làm giảm hiệu quả sản xuất cà phê. Theo kết quả nghiên cứu của Viện



Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI) đơn vị hỗ trợ kỹ thuật của dự án VnSAT thì các hộ sản xuất cà phê tưới 3- 4 lần/mùa khô, với lượng nước 520 lít/cây/lần tưới là lượng nước hợp lý cho cây cà phê sinh trưởng và phát triển bình thường. Song kết quả điều tra của Viện cho thấy có trên 50% số hộ trồng cà phê ở Tây Nguyên tưới trên 520 lít/cây/lần, và có tới 23,2% số hộ sản xuất cà phê tưới thừa nhiều nước (600 - 950 lít/lần tưới).

Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) đã xây dựng và nhân rộng mô hình tưới nước tiết kiệm cho cây cà phê ở cả 5 tỉnh Tây Nguyên giúp người nông dân chủ động chống hạn, giảm chi phí nhân công và tăng hiệu quả sản xuất cà phê. Hiện nay có hai hệ thống tưới tiết kiệm cho cà phê ở Tây Nguyên được Wasi và dự án VnSAT hỗ trợ nhân rộng. Đó là hệ thống tưới nhỏ giọt (hệ thống tưới Israel) và hệ thống tưới tiết kiệm phun mưa tại gốc (hệ thống tưới WASI). Kết quả nghiên cứu về tưới và hiệu quả của các mô hình tưới tiết kiệm cho thấy cả hai hệ thống tưới tiết kiệm đều gia tăng lợi nhuận hơn 35,5 triệu đồng/ha/năm (với dự kiến khấu hao hệ thống tưới trong 10 năm); tuy nhiên chỉ cần sau 2-3 năm tích lũy thì khoản lợi nhuận này cũng đã đủ để bù đắp được chi phí lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm (62-76 triệu đồng/ha).

Để khuyến khích các hộ nông dân áp dụng các giải pháp tưới hiện đại bên cạnh công tác đào tạo, tập huấn Dự án đã hỗ trợ cho các nông hộ 50% chi phí để lắp đặt hệ thống tưới cho cà phê. Riêng đối với các hộ nông dân tái canh vườn cà phê mỗi hecta được dự án VnSAT cho vay được 280 triệu, nếu có nhu cầu lắp hệ thống tưới tiết kiệm thì sẽ được vay thêm được 120 triệu. Lãi suất cho vay là 6,5% trong 3 năm đầu và lãi suất theo thị trường trong 6 năm còn lại. Các hệ thống tưới tiết kiệm đã giúp giảm chi phí đầu vào 10-18 triệu đồng/ha/năm, đây là khoản tiền không nhỏ với đa số nông hộ trồng cà phê hiện nay. Đồng thời tối ưu hoá nước tưới còn gia tăng năng suất vườn cây khoảng 0,5 tấn cà phê nhân/ha. Ngoài lợi ích kinh tế, tưới nước tiết kiệm góp phần bảo vệ môi trường, ổn định sản xuất cây có tưới. Các kết quả điều tra cho thấy các mô hình áp dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm so với tưới theo truyền thống đã giảm lượng nước tưới (600-1.150 lít/gốc/năm, tương ứng 25 -



47,9%). Bên cạnh đó việc bón phân cho cà phê qua hệ thống tưới nước tiết kiệm đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, nhờ đó tiết kiệm lượng phân bón sử dụng (giảm 20-26% lượng phân nguyên chất) đồng thời duy trì và cải thiện độ phì đất. [6]

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. [https:// www. iandmsmith.com/](https://www.iandmsmith.com/)
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. CTV dự án VNSAT và trang tin Tin Tây Nguyên
- [5]. <https://giacaphe.com>
- [6] <http://lamdongdost.gov.vn>
- [7]. <http://lamdongtv.vn/>
- [8]. <https://www.mard.gov.vn>



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	30,667	30,467	30,867	31,267	31,167	30,887	(240)
Lâm Hà	30,700	30,500	30,900	31,300	31,200	30,920	(240)
Bảo Lộc	30,700	30,500	30,900	31,300	31,200	30,920	(240)
Di Linh	30,600	30,400	30,800	31,200	31,100	30,820	(240)
ĐẮK LẮK	31,167	30,967	31,533	31,933	31,867	31,493	(133)
Cư M'gar	31,300	31,100	31,600	32,000	32,000	31,600	(160)
Ea H'leo	31,100	30,900	31,500	31,900	31,800	31,440	(120)
Buôn Hồ	31,100	30,900	31,500	31,900	31,800	31,440	(120)
GIA LAI	30,967	30,767	31,267	31,667	31,567	31,247	(180)
Pleiku	30,900	30,800	31,300	31,700	31,600	31,260	(200)
Chư Prông	31,000	30,700	31,200	31,600	31,500	31,200	(160)
Ia Grai	31,000	30,800	31,300	31,700	31,600	31,280	(180)
ĐẮK NÔNG	30,933	30,767	31,233	31,667	31,600	31,240	(193)
Gia Nghĩa	30,900	30,700	31,300	31,700	31,600	31,240	(220)
Đắk R'lấp	31,000	30,800	31,200	31,600	31,500	31,220	(140)
KON TUM	30,900	30,800	31,200	31,700	31,700	31,260	(220)
Đắk Hà	30,900	30,800	31,200	31,700	31,700	31,260	(220)
HỒ CHÍ MINH	32,600	32,400	32,9	33,300	33,200	34,000	34,000

Nguồn: Tin Tây Nguyên

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

